

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám Đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B01 - CTQ)	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B02 - CTQ)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B03 - CTQ)	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B05 - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B09 - CTQ)	9 - 21

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

**Giấy phép thành lập  
và hoạt động**

Số 31/UBCK/GP ngày 14 tháng 4 năm 2008

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có thời hạn là 50 năm. Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK được cấp ngày 20 tháng 4 năm 2012 nhằm mục đích đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thép Việt thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth và giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2012 về bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Ho An T (Andy Ho)  
Ông Phạm Phú Trường  
Ông Brook Colin Taylor  
Ông Subastian Subba  
Ông Nguyễn Việt Cường

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2013)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

**Ban Giám đốc**

Ông Subastian Subba

Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Subastian Subba

Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Tầng 17 toà nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ  
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Vietnam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để các báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của giai đoạn kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

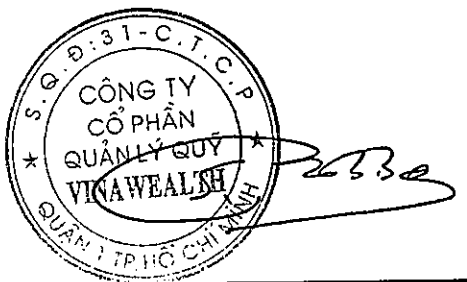
- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 21. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của giai đoạn kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Subastian Subba  
Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 12 tháng 8 năm 2013



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CHO CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

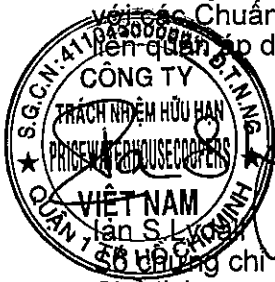
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Vinawealth ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên, và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh từ trang 4 đến trang 21. Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với những người có trách nhiệm về các vấn đề tài chính và kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính cùng các quy trình soát xét khác. Phạm vi của công tác soát xét hẹp hơn so với một cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nên chúng tôi không có được sự đảm bảo rằng chúng tôi có thể nhận biết được tất cả các vấn đề quan trọng mà chỉ có một cuộc kiểm toán mới có thể nhận biết được. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận

Dựa vào kết quả công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các phương diện trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả kinh doanh, dòng lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Số đăng ký KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3773  
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

**Mẫu số B01 - CTQ**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30.6.2013 VNĐ</b>	<b>31.12.2012 VNĐ</b>
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>20.095.131.622</b>	<b>22.584.097.711</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>18.076.759.768</b>	<b>20.432.463.799</b>
111	Tiền	3	18.076.759.768	20.432.463.799
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.172.156.726</b>	<b>2.031.495.265</b>
131	Phải thu khách hàng	4	213.689.781	173.262.467
135	Các khoản phải thu khác	5	958.466.945	1.858.232.798
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>846.215.128</b>	<b>120.138.647</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		846.215.128	120.138.647
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>583.022.191</b>	<b>726.014.263</b>
<b>210</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>256.863.670</b>	<b>321.482.788</b>
211	Tài sản cố định hữu hình	6(a)	207.234.454	260.400.676
212	Nguyên giá		657.668.102	657.668.102
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(450.433.648)	(397.267.426)
217	Tài sản cố định vô hình	6(b)	49.629.216	61.082.112
218	Nguyên giá		68.717.376	68.717.376
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.088.160)	(7.635.264)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>326.158.521</b>	<b>404.531.475</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	7	292.508.521	367.581.475
268	Tài sản dài hạn khác		33.650.000	36.950.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>20.678.153.813</b>	<b>23.310.111.974</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

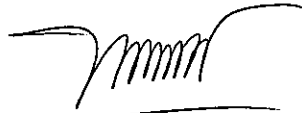
Mẫu số B01 - CTQ

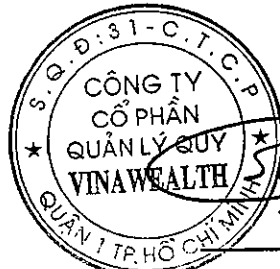

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>7.937.772.015</b>	<b>1.369.014.935</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>924.817.828</b>	<b>1.283.186.898</b>
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8 423.555.099	344.565.440
315	Chi phí phải trả	9 501.262.729	938.621.458
<b>340</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>7.012.954.187</b>	<b>85.828.037</b>
334	Vay và nợ dài hạn	10 7.000.000.000	-
341	Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	12.954.187	85.828.037
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>12.740.381.798</b>	<b>21.941.097.039</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12.740.381.798</b>	<b>21.941.097.039</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	11 39.215.000.000	39.215.000.000
415	Lỗ sau thuế chưa phân phối	(26.474.618.202)	(17.273.902.961)
<b>430</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>20.678.153.813</b>	<b>23.310.111.974</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Tại ngày 30.6.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	-	25.823.365.067

  
Lê Hữu Hạnh  
Kế toán trưởng

  
  
Subastian Subba  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

Mẫu số B02 – CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6		
		2013 VNĐ	2012 VNĐ	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12(a)	710.345.531	149.578.040
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		710.345.531	149.578.040
11	Giá vốn hàng bán		-	-
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		710.345.531	149.578.040
21	Doanh thu hoạt động tài chính	12(b)	489.983.397	2.289.167.369
22	Chi phí tài chính		(4.864.154)	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	(12.147.928.205)	(6.886.434.954)
30	Lỗ từ hoạt động kinh doanh		(10.952.463.431)	(4.447.689.545)
40	Thu nhập khác	14	1.751.748.190	-
50	Lỗ kế toán trước thuế		(9.200.715.241)	(4.447.689.545)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15	-	-
60	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.200.715.241)	(4.447.689.545)



Lê Hữu Hạnh  
Kế toán trưởng



Subastian Subba  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

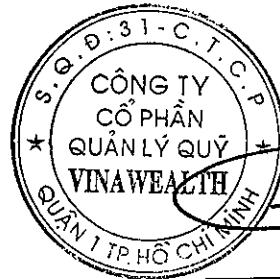
Mẫu số B03 - CTQ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	Tiền thu từ phí quản lý quỹ	669.918.217	175.057.492
03	Tiền chi cho chi phí quản lý và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(2.980.616.179)	(2.852.170.168)
04	Tiền chi trả cho người lao động	(8.965.951.709)	(2.948.887.061)
05	Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	(866.667.240)	(732.504.087)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.180.075.818	-
07	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(420.163.406)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(9.963.241.093)</b>	<b>(6.778.667.230)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(170.441.140)
38	Tiền thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	607.537.062	2.749.664.049
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>607.537.062</b>	<b>2.579.222.909</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	Tiền thu từ vay dài hạn	7.000.000.000	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(2.355.704.031)</b>	<b>(4.199.444.321)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>20.432.463.799</b>	<b>34.538.547.196</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>18.076.759.768</b>	<b>30.339.102.875</b>



Lê Hữu Hạnh  
Kế toán trưởng



Subastian Subba  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

**Mẫu B05 - CTQ**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Đơn vị: VNĐ**

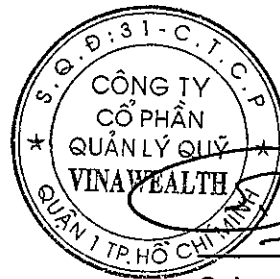
	<b>1.1.2012</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31.12.2012</b>
		<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	
Vốn chủ sở hữu	39.215.000.000	-	-	39.215.000.000
Lỗ sau thuế chưa phân phối	(4.269.243.014)	(13.004.659.947)	-	(17.273.902.961)

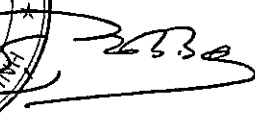
  

	<b>1.1.2013</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30.6.2013</b>
		<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	
Vốn chủ sở hữu	39.215.000.000	-	-	39.215.000.000
Lỗ sau thuế chưa phân phối	(17.273.902.961)	(9.200.715.241)	-	(26.474.618.202)



Lê Hữu Hạnh  
Kế toán trưởng



  
Subastian Subba  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Vinawealth (“Công ty”) được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008 có thời hạn là 50 năm. Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK được cấp ngày 20 tháng 4 năm 2013 nhằm mục đích đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thép Việt thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth và giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2012 về bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý doanh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 15 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 14 nhân viên).

**2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.7 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu như sau:

Nhà cửa	20%
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	20 - 33%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(a) Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư**

Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng.

**(b) Doanh thu dịch vụ phát hành chứng chỉ Quỹ**

Công ty thực hiện dịch vụ chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.8 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

(c) Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ

Công ty thực hiện dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho một quỹ mở.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu là không chắc chắn.

**2.9 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.10 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**2.11 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.12 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.6.2013</b>	<b>31.12.2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	13.848.974	21.164.821
Tiền gửi ngân hàng	18.062.910.794	20.411.298.978
	<u>18.076.759.768</u>	<u>20.432.463.799</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30.6.2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>
VOF Investment Limited (Thuyết minh 16(b))	-	173.262.467
Quỹ đầu tư trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth (Thuyết minh 16(b))	213.689.781	-
	<u>213.689.781</u>	<u>173.262.467</u>

**5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30.6.2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	36.123.246	153.676.911
Tạm ứng cho nhà cung cấp	-	500.000.000
Các khoản phải thu từ VinaCapital Investment Management (Thuyết minh 16(b))	745.185.000	1.175.076.782
Tạm ứng cho nhân viên	177.158.699	29.124.108
Các khoản phải thu khác	-	354.997
	<u>958.466.945</u>	<u>1.858.232.798</u>

**6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Thiết bị văn phòng</b> <b>VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	657.668.102
Mua trong kỳ	-
Thanh lý, nhượng bán	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>657.668.102</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	397.267.426
Khấu hao trong kỳ	53.166.222
Thanh lý, nhượng bán	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>450.433.648</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	<u>260.400.676</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>207.234.454</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy tính  
VNĐ**

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	68.717.376
Mua trong kỳ	-
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>68.717.376</u>

<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	7.635.264
Khấu hao trong kỳ	11.452.896
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>19.088.160</u>

<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	61.082.112
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>49.629.216</u>

**7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

**30.6.2013  
VNĐ**

**31.12.2012  
VNĐ**

Sửa chữa văn phòng	194.303.573	248.332.613
Thiết kế cổng thông tin điện tử	98.204.948	119.248.862
	<hr/>	<hr/>
	<u>292.508.521</u>	<u>367.581.475</u>

**8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**30.6.2013  
VNĐ**

**31.12.2012  
VNĐ**

Thuế thu nhập cá nhân	312.577.029	344.565.440
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	110.978.070	-
	<hr/>	<hr/>
	<u>423.555.099</u>	<u>344.565.440</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30.6.2013</b> VNĐ	<b>31.12.2012</b> VNĐ
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	84.152.000	104.400.000
Lương tháng 13	417.110.729	834.221.458
	<u>501.262.729</u>	<u>938.621.458</u>

**10 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>30.6.2013</b> VNĐ	<b>31.12.2012</b> VNĐ
Vay và nợ dài hạn (Thuyết minh 16(b))	7.000.000.000	-
	<u>7.000.000.000</u>	<u>-</u>

Đây là khoản vay từ Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam, với thời hạn 121 tháng. Lãi suất hàng năm là 12%. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**11 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30.6.2013</b>		<b>31.12.2012</b>	
	Cổ phiếu phổ thông	Tổng vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu phổ thông	Tổng vốn cổ phần VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký	3.921.500	39.215.000.000	3.921.500	39.215.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.921.500	39.215.000.000	3.921.500	39.215.000.000

Chi tiết cổ đông tại 30 tháng 6 năm 2013:

	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>% sở hữu</b>
Cty TNHH Tài chính Doanh nghiệp VinaCapital	1.921.500	49
Bà Phạm Ngọc Quỳnh Như	314.000	8
Ông Phạm Phú Trường	1.686.000	43
	<u>3.921.500</u>	<u>100</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**12 DOANH THU**

**(a) Doanh thu thuần**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6</b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư (Thuyết minh 16(a))	710.345.531	149.578.040

**(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6</b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lãi tiền gửi	489.983.397	2.289.167.369

**13 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Những chỉ tiêu chủ yếu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6</b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Khấu hao tài sản cố định	64.619.118	20.501.789
Chi phí nhân viên	9.838.734.758	4.579.145.807
Công cụ và dụng cụ	98.232.080	45.436.130
Thuế và phí	23.000.000	3.300.000
Dịch vụ thuê ngoài	297.771.396	1.221.106.000
Chi phí quảng cáo và bán hàng	587.076.843	-
Chi phí vận chuyển và công tác phí	947.865.696	446.154.774
Khác	290.628.314	570.790.454
	<u>12.147.928.205</u>	<u>6.886.434.954</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**14 THU NHẬP KHÁC**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
	2013 VND	2012 VND
Thu nhập khác từ VinaCapital Investment Management Limited (Thuyết minh 16(a))	1.751.748.190	-

Đây là khoản bù đắp của VinaCapital Investment Management Limited cho Công ty đối với khoản chi phí lương cho các nhân viên đang quản lý danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth

**15 THUẾ**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% qui định trong Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty và được thể hiện như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
	2013 VND	2012 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(9.200.715.241)	(4.447.689.545)
Thuế tính ở thuế suất 25%	(2.300.178.810)	(1.111.922.386)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	151.354.547	1.063.726.365
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.148.824.263	48.196.021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**15 THUẾ (TIẾP THEO)**

**15.1 Thuế thu nhập hoãn lại**

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm/giai đoạn phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VND
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Chưa quyết toán	11.675.677.278
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Chưa quyết toán	<u>9.049.360.694</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không cao.

**16 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

**i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
	2013 VND	2012 VND
VOF Investment Limited	138.082.192	149.578.040
Quỹ đầu tư trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth	572.263.339	-
	<u>710.345.531</u>	<u>149.578.040</u>

**ii) Thu nhập khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
	2013 VND	2012 VND
VinaCapital Investment Management Limited	<u>1.751.748.190</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

16 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

*iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt*

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
	2013 VND	2012 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.624.896.750	1.074.700.211

*iv) Vay dài hạn*

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	
	2013 VND	2012 VND
Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam	7.000.000.000	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.6.2013	31.12.2012
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
VOF Investment Limited	-	173.262.467
Quỹ đầu tư trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth	213.689.781	-
	<u>213.689.781</u>	<u>173.262.467</u>
<b>Phải thu khác (Thuyết minh 5)</b>		
VinaCapital Investment Management Limited	745.185.000	1.175.076.782
	<u>745.185.000</u>	<u>1.175.076.782</u>
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh 10)</b>		
Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam	7.000.000.000	-
	<u>7.000.000.000</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**17 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng VNĐ.

*(ii) Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán. Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

*(iii) Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam ("VNĐ"). Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng do Ban Giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

**17 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, chủ yếu là lãi tiền gửi kỳ hạn, không quá hạn cũng không bị giảm giá.

(ii) Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Công ty không có nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá trị tại thời điểm lập báo cáo tài chính của công ty.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.


Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>			
Nợ phải trả	924.817.828	-	7.012.954.187
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Nợ phải trả	1.283.186.898	-	85.828.037

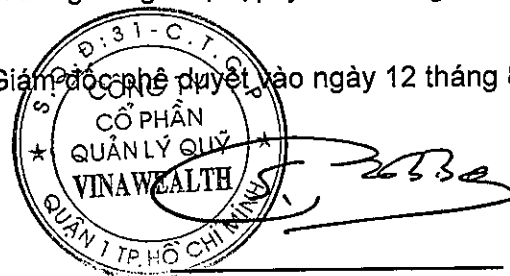
**(d) Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng ngắn hạn, ký quỹ, và các khoản phải trả người bán và phải trả khác gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc phê duyệt vào ngày 12 tháng 8 năm 2013.



Lê Hữu Hạnh  
Kế toán trưởng



Subastian Subba  
Tổng Giám đốc